

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
MÔN

TIẾNG ANH 7

**Friends
Plus**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Student Book



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ VẠN XUÂN

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
MÔN

TIẾNG ANH 7

Friends
(Tài liệu lưu hành nội bộ)
Plus
Student Book

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập VŨ TRUNG CHÍNH

Giám đốc Công ty CP DVXBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: HUỖNH THỊ XUÂN PHƯƠNG - HUỖNH LÊ ÁI NHI

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: HUỖNH THỊ XUÂN PHƯƠNG - HUỖNH LÊ ÁI NHI

Chế bản: CÔNG TY CP DVXBGD GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu.

– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan.

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/...GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:

Lời nói đầu

Kính thưa quý thầy cô giáo!

Tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Tiếng Anh 7 Friends Plus do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở (ban hành theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT*, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tài liệu bám sát các chủ đề, chủ điểm kiến thức ngôn ngữ trong sách Tiếng Anh 7 Friends Plus nhằm cơ bản cung cấp cho quý thầy cô giáo các kĩ năng cần thiết để tự tin sử dụng bộ sách giáo khoa này trong quá trình giảng dạy và kiểm tra, đánh giá.

Tài liệu bao gồm 3 phần, được biên soạn tương đối chi tiết để quý thầy cô nắm bắt đầy đủ từng phần trước khi bắt tay sử dụng sách **Tiếng Anh 7 Friends Plus**, góp phần nâng cao tầm hiểu biết của học sinh, giúp các em sống hoà nhập vào môi trường xung quanh với tinh thần yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu xã hội; góp phần đào tạo học sinh trở thành những công dân toàn diện.

NHÓM TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	5
1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	5
1.1. Quan điểm biên soạn	5
1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	5
2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC CỦA <i>TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS</i>	6
2.1. Phân tích ma trận nội dung của <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	6
2.2. Phân tích kết cấu các chủ đề / bài học của <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	6
2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề / bài học theo mạch kiến thức	7
2.4. Phân tích một chủ đề / bài học đặc trưng	8
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	8
3.1. Những yêu cầu cơ bản của phương pháp dạy học môn Tiếng Anh	8
3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	9
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH	10
4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	10
4.2. Gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh ...	10
5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	11
6. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH	13
PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI	17
PHẦN BA: CÁC NỘI DUNG KHÁC	26
1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	26
2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO CỦA <i>Tiếng Anh 7 Friends Plus</i>	27

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS

1.1 Quan điểm biên soạn

Tài liệu giáo khoa làm phương tiện dạy học môn học Tiếng Anh lớp 7 được biên soạn theo định hướng chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực học sinh:

– Theo định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua

+ *Nghị quyết 29/NQ/TW* ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

+ *Nghị quyết 88/2014/Qh13* ngày 28/11/2013 của Quốc hội về Đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông;

+ Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (khung chương trình), các chương trình môn học và hoạt động giáo dục được ban hành theo *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.

+ Luật Giáo dục (sửa đổi) 2019.

– Bám sát các tiêu chuẩn sách giáo khoa mới ban hành kèm theo *Thông tư số 33/2017* ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2 Những điểm mới của sách giáo khoa *Tiếng Anh 7 Friends Plus*

– Sách giáo khoa *Tiếng Anh 7 Friends Plus* được thừa hưởng việc tích hợp các phương pháp dạy học tích cực theo đường hướng giao tiếp của sách giáo khoa hiện hành. Mỗi đơn vị bài học của sách được đề ra mục tiêu giao tiếp cụ thể “I can ...” và kết thúc bằng ứng dụng thực tế “Use it!”.

– Các kĩ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết được sử dụng đan xen với nhau xuyên suốt quá trình học, không thiên lệch một kĩ năng nào, giúp người học thường xuyên có cơ hội sử dụng tiếng Anh.

– Tạo điều kiện cho người học tham gia vào bài học nhiều hơn, giúp người học tiếp thu kiến thức theo trình tự của 4 bậc kiểm tra đánh giá: nhận biết – thông hiểu – vận dụng – vận dụng cao. Sách giáo khoa *Tiếng Anh 7 Friends Plus* rất phù hợp với các lớp có trình độ người học đa dạng.



2. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC SÁCH VÀ BÀI HỌC CỦA TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS

2.1 Phân tích ma trận nội dung của Tiếng Anh 7 Friends Plus

Tiếng Anh 7 Friends Plus được tích hợp đầy đủ 4 chủ điểm của Chương trình môn Tiếng Anh ban hành kèm thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Cộng đồng của chúng ta – Di sản của chúng ta – Thế giới của chúng ta – Tầm nhìn tương lai.

Tiếng Anh 7 Friends Plus là bước tiếp theo để học sinh có thể đạt Bậc 2 Khung năng lực sử dụng tiếng Anh khi tốt nghiệp THCS với các mục tiêu cụ thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật.

- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.

- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh, bước đầu biết sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.

- Hình thành và áp dụng các phương pháp và chiến lược học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh.

2.2 Phân tích kết cấu các chủ đề / bài học của Tiếng Anh 7 Friends Plus

- Bài mở đầu **Starter** với mục đích ôn tập từ vựng và ngữ pháp cơ bản mà học sinh đã học Tiếng Anh 6 Friends Plus.
- Tám đơn vị bài học (Unit 1 – Unit 8); Mỗi đơn vị bài học bao gồm:
 - Từ vựng (**Vocabulary**): cung cấp bộ từ vựng số 1 theo chủ đề bài học.
 - Bài đọc (Reading)
 - Ngữ pháp (**Language Focus 1**): giải thích và thực hành kiến thức ngôn ngữ trong bài đọc.
 - Nghe (**Vocabulary – Listening**): cung cấp bộ từ vựng thứ hai theo chủ đề bài học.
 - Ngữ pháp (**Language Focus 2**): giải thích và thực hành kiến thức ngôn ngữ trong bài nghe.
 - Nói (**Speaking**)
 - Viết (**Writing**)

Bốn kĩ năng được thực hành xuyên suốt các bài học.

- Bốn bài **Ôn tập (Progress Review)** sau mỗi hai đơn vị bài học với phần tự đánh giá và câu khẳng định "Tôi có thể ...".

- Phần mở rộng gồm **Bài tích hợp các môn học (CLIL)** hoặc **Văn hóa (Culture)** ôn tập ngôn ngữ của các bài đã học, cũng như thông tin thêm về các bài học Văn hóa. Trang **Câu đố và trò chơi (Puzzles And Games)** giúp học sinh ôn tập từ vựng đã học thông qua các trò chơi hoặc câu đố.

- Cuối sách gồm các trang **Luyện Nghe và Nói mở rộng (Extra Listening And Speaking)**; trang **Bài hát (Songs)** cung cấp thêm cơ hội củng cố kiến thức.

- Phần tham khảo bao gồm: **Trọng tâm ngôn ngữ (Language Focus Reference)** cho từng điểm ngữ pháp; **Danh sách từ vựng (Wordlist)** theo thứ tự chữ cái cho từng đơn vị bài học được phiên âm theo chuẩn quốc tế Anh – Anh và Anh – Mỹ.

2.3. Cấu trúc mỗi chủ đề / bài học theo mạch kiến thức

Tiếng Anh 7 Friends Plus được biên soạn theo định hướng tiếp cận phát triển năng lực của học sinh, không chỉ đơn thuần truyền thụ kiến thức. Mỗi đơn vị bài học luôn tích hợp từ 2 đến 3 chủ đề trong một đơn vị bài học, trong đó có một chủ đề xuyên suốt và các chủ đề có liên quan:

- Chủ đề xuyên suốt đơn vị bài học được tích hợp trong hai bộ từ vựng, một bộ ở phần Vocabulary và bộ còn lại ở phần Vocabulary – Listening. Các chủ đề liên quan có thể được tích hợp trong các chủ đề xuyên suốt đơn vị bài học đó. Ví dụ: Unit 4 có chủ đề xuyên suốt là *Thế giới hình ảnh*, trong các phần rèn luyện kỹ năng có tích hợp thêm chủ đề *Dịch vụ cộng đồng*, *Các hoạt động tái chế rác thải*...

- Các phần luyện tập được đưa ra từ dễ đến khó theo 4 bậc tiếp cận: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Điều này giúp học sinh nhận thức được năng lực của mình và có định hướng phấn đấu phù hợp, đồng thời giúp giáo viên nắm rõ được năng lực của học sinh để biên soạn kế hoạch bài dạy và các bài kiểm tra hợp lý. Do đó, *Tiếng Anh 7 Friends Plus* hoàn toàn thích hợp với các lớp học đa trình độ.

- Các phần trò chơi, câu đố, học ngôn ngữ tích hợp nội dung các môn học (CLIL) luôn liên quan mật thiết đến chủ đề xuyên suốt trong một đơn vị bài học. Các bài luyện tập thêm về nghe, nói giúp học sinh khá, giỏi có nhiều cơ hội rèn luyện hơn.

- Tất cả các từ vựng và kiến thức ngôn ngữ trong các đơn vị bài học được biên soạn phù hợp bước tiếp cận Bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương bậc A2 của Khung năng lực ngoại ngữ châu Âu), tương thích hoàn toàn các chủ điểm bậc trung học cơ sở của Chương trình tiếng Anh ban hành kèm Thông tư 32/2018 / TT- BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Phân tích một chủ đề / bài học đặc trưng

Ví dụ: Unit 4 – In the picture

- Chủ điểm: *Thế giới hình ảnh*
- Chủ đề xuyên suốt: *Các hoạt động liên quan đến thế giới hình ảnh*
- Các chủ đề tích hợp: *Các hoạt động tái chế (Reading); Dịch vụ cộng đồng (Writing)*

Vocabulary: Actions and movement

- Xác định mục tiêu: I can describe a photograph
- Mức độ nhận biết (Mục luyện tập 1 và 2): Thông qua kênh hình và tiếng, học sinh ghi nhận được ý nghĩa của từ vựng (**không cần phiên dịch ra tiếng mẹ đẻ**)
- Mức độ thông hiểu (Mục luyện tập 3 và Key Phrases): Thông qua các dấu hiệu ngôn ngữ, học sinh tự rút ra được cách sử dụng các từ vựng được nêu trong bài học.
- Mức độ vận dụng (Mục Use it!): Học sinh vận dụng được từ vựng và kiến thức ngôn ngữ để giao tiếp mức độ cơ bản.
- Mức độ vận dụng cao (Mục Finished!): Học sinh sử dụng được kiến thức đã học một cách chủ động để giao tiếp mức độ cao hơn, có thể tranh luận, phản biện hoặc thỏa hiệp.

Mỗi bài học (Lesson) trong Tiếng Anh 7 Friends Plus đều có mục tiêu rõ ràng, đều hướng đến mục đích giao tiếp, đồng thời có các bước rèn luyện theo năng lực và phản ánh chính xác năng lực học sinh.

Các đơn vị bài học (Unit) trong Tiếng Anh 7 Friends Plus luôn có đầy đủ các bài học để rèn luyện đều 4 kĩ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết và tạo điều kiện để giáo viên ứng dụng tối đa các phương pháp dạy học tích cực theo đường hướng giao tiếp.

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản của phương pháp dạy học môn Tiếng Anh

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp:

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học. Hai đường hướng chủ đạo này quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học.

– Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, giáo viên đảm nhiệm nhiều vai trò, trong đó bốn vai trò sau đây được cho là nổi bật: người dạy học và nhà giáo dục; người cố vấn; người tham gia vào quá trình học tập; người học và người nghiên cứu. Những vai trò đã nêu trên đòi hỏi giáo viên có trách nhiệm: xây dựng ý thức học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được trách nhiệm của mình với tư cách là những người học và về mục đích học tập của mình, giúp học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp, giúp học sinh có quan niệm toàn diện về *thế nào là biết một ngoại ngữ*.

– Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, học sinh phải được tạo điều kiện tối đa để thực sự trở thành: người đàm phán tích cực và có hiệu quả với chính mình trong quá trình học tập; người đàm phán tích cực và có hiệu quả với các thành viên trong nhóm và trong lớp học; người tham gia vào môi trường cộng tác dạy – học. Người học ngoại ngữ trong thời đại công nghiệp 4.0 không chỉ là người thu nhận kiến thức từ người dạy và từ sách vở, mà quan trọng hơn, còn phải là người biết cách học như thế nào. Kiến thức thường xuyên được định nghĩa lại khi học sinh học được nhiều hơn, và trong khi xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình, các em có thể nhận ra rằng các chiến lược học tập trước đó có thể không còn phù hợp.

3.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tiếng Anh 7 Friends Plus về cơ bản đã giúp giáo viên định hình được các bước lên lớp, trình tự tổ chức hoạt động vì các mục luyện tập trong từng bài học đã được biên soạn theo từng mục tiêu rõ ràng, phù hợp với các bậc nhận thức, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Các hoạt động cũng được gợi ý theo cá nhân hay theo đôi bạn, theo nhóm học tập. Giáo viên có thể kết hợp với các phương pháp tổ chức dạy học khác như dạy học theo dự án, dạy học theo hướng trải nghiệm (STEM / STEAM) miễn là đáp ứng mục tiêu của đường hướng giao tiếp.

Ngoài ra, một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học khác giáo viên có thể tham khảo để áp dụng phù hợp với môi trường dạy học của mình:

– Lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa giờ ra chơi: Tổ chức các trò chơi để học sinh chủ động tiếp cận với môn học, tổ chức biểu diễn các tiết mục văn nghệ bằng tiếng Anh như múa, hát, hài kịch.

– Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch chỉ sử dụng tiếng Anh cho các em học sinh: Học sinh tham gia được hòa mình vào môi trường tiếng Anh, tham gia các trò chơi tiếng Anh, gặp gỡ nói chuyện và giao lưu với người nước ngoài...

– Xây dựng không gian trường học bằng các từ vựng tiếng Anh: Lớp học, thư viện, hàng cây... có sử dụng tiếng Anh kết hợp với các hình ảnh minh họa.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH

4.1 Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn học tập. Điều này góp phần khuyến khích và định hướng học sinh trong quá trình học tập, giúp giáo viên và nhà trường đánh giá kết quả học tập của học sinh, qua đó điều chỉnh việc dạy học môn học một cách hiệu quả ở các cấp học.

Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kĩ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực. Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kì được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa các hình thức.

4.2. Gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh

4.2.1. Kiểm tra thường xuyên (lấy điểm hệ số 1)

– Kiểm tra nói thông qua các hoạt động giao tiếp mỗi tiết học, cho điểm theo hình thức cộng dồn nhiều lần để khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động. Giáo viên có thể cho điểm theo hình thức ô vuông một gạch chéo: mỗi lần học sinh phát biểu đúng được 1 gạch, đủ một ô vuông và một gạch chéo cho học sinh một số điểm nào đó tùy theo năng lực chung của học sinh trong lớp. Giáo viên cộng dồn điểm nhiều lần cho đến hết học kì rồi ghi thành một cột điểm.

– Kiểm tra nghe thông qua các hoạt động có phần thực hành nghe, cho điểm theo hình thức cộng dồn giống như kiểm tra nói.

– Kiểm tra đọc thông qua các bài kiểm tra ngắn (5 phút - 10 phút - 15 phút), có thể lấy 2 hoặc 3 bài kiểm tra đọc lấy điểm trung bình cho kĩ năng đọc. Giáo viên có thể kết hợp kiểm tra ngữ âm, ngữ pháp chung với bài kiểm tra đọc nhưng tỉ lệ điểm phải thấp hơn bài kiểm tra đọc.

– Kiểm tra viết thông qua các bài kiểm tra ngắn (5 phút - 10 phút - 15 phút), có thể lấy 2 hoặc 3 bài kiểm tra viết lấy điểm trung bình cho kĩ năng viết. Giáo viên có thể kết hợp kiểm tra ngữ âm, ngữ pháp chung với bài kiểm tra viết nhưng tỉ lệ điểm phải thấp hơn bài kiểm tra viết.

Các cột điểm kiểm tra thường xuyên (4 cột điểm/ học kì) phải có đủ 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Giáo viên không được cho điểm thiên lệch về một kĩ năng nào, đặc biệt không quá đặt nặng kiểm tra ngữ pháp.

4.2.2. Kiểm tra định kì (2 cột điểm/ học kì)

– Giáo viên nên kết hợp kiểm tra kĩ năng viết, đọc và nghe trong một bài kiểm tra có thời lượng 45p hoặc 60p; Bài kiểm tra nói nên được tổ chức nhiều buổi theo từng nhóm nhỏ.

– Tỉ lệ điểm số mỗi kĩ năng nên là 25% đến 30% tổng số điểm bài kiểm tra định kì.

Giáo viên nên tham khảo các dạng bài thi quốc tế, sử dụng dữ liệu của Tiếng Anh 7 Friends Plus (kết hợp cả sách học sinh và sách bài tập) để làm ma trận đề kiểm tra thật kĩ theo bốn mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao để từ đó biên soạn đề kiểm tra phù hợp đúng với yêu cầu của Chương trình tiếng anh bậc trung học cơ sở.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS

5.1. Sách bài tập (Workbook) của Tiếng Anh 7 Friends Plus cung cấp thêm các tài nguyên sau đây

- Tám trang thực hành thêm cho mỗi đơn vị bài học của Sách học sinh, bao gồm các bài tập từ vựng, ngữ pháp, đọc và viết với ba cấp độ khó.
- Bốn trang Ôn tập (**Cumulative Review**) tất cả nội dung và kĩ năng đã học trong Sách bài học.
- **Tài liệu tham khảo (Reference)** bao gồm: các bài tập **Thực hành trọng tâm ngôn ngữ (Language Focus Practice)** cho từng điểm ngữ pháp; mục **Cụm từ chính (Key Phrases)** với các cụm từ chính trong Sách học sinh; **Tiếng Anh hằng ngày (Everyday English)**.

5.2. Sách hướng dẫn dành cho giáo viên (Teacher's Guide) cung cấp các tài nguyên sau cho người dạy học

- Giới thiệu phương pháp giảng dạy trong **Tiếng Anh 7 Friends Plus**
- Kế hoạch bài dạy và đáp án cho các tài liệu trong Sách học sinh
- Gợi ý cho các hoạt động tùy chọn cho lớp học có nhiều trình độ khác nhau

- Ghi chú nguồn gốc, thông tin văn hóa và ghi chú ngôn ngữ
- Nội dung của phần nghe (Script) trong Sách học sinh và Sách bài tập
- Đáp án của Sách bài tập

5.3. Tập ghi âm

Tập ghi âm được cung cấp với định dạng mp3 của tất cả các bài tập nghe của Sách học sinh, Sách bài tập và các bài kiểm tra.

5.4. phuongnam.edu.vn cung cấp cho giáo viên các tài nguyên sau

- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Kế hoạch dạy học (Syllabus)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Bài giảng điện tử (PowerPoint Lessons)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Sách giáo viên (Teacher's Guide)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Tập Nghe sách học sinh (Student book Audio)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Bài kiểm tra tham khảo (Sample Tests)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Trọn bộ tài nguyên (Full Pack)
- Tiếng Anh 7 Friends Plus - Kế hoạch bài dạy (Lesson Plans)

5.5. sachso.edu.vn cung cấp cho giáo viên các công cụ sau

- Phiên bản kỹ thuật số của Sách học sinh và Sách bài tập: Tích hợp tập ghi âm, ghi hình thực tế, các bài tập tương tác có thể trình chiếu trực tiếp, các đáp án hiển thị cùng một lúc hoặc theo từng câu, các công cụ phóng to, thu nhỏ, tô sáng và ghi chú.
- Tài liệu chuyên môn nghiệp vụ: Bao gồm các tập ghi hình những buổi tập huấn của Nhà xuất bản đại học Oxford, các tài liệu tập huấn được thực hiện trong quá trình triển khai sách giáo khoa Tiếng Anh 7 Friends Plus.

6. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH

Tiếng Anh 7 Friends Plus xây dựng kế hoạch giảng dạy và chuẩn bị bài giảng dễ dàng. Mỗi bài học trong sách được thiết kế phù hợp với thời lượng một tiết dạy trên lớp đảm bảo tổng thời lượng dạy học các bài học tương ứng với tổng số lượng tiết học được phân bổ theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh lớp 7 (3 tiết/ tuần x 35 tuần = 105 tiết), và có đầy đủ các bước khởi động, trình bày và khai thác nội dung bài học, và tạo cơ hội cho học sinh cá nhân hóa từng hoạt động và áp dụng những gì đã được học.

PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN

(3 TIẾT/TUẦN X 35 TUẦN = 105 TIẾT)

TUẦN	TIẾT	ĐƠN VỊ BÀI HỌC	NỘI DUNG GIẢNG DẠY	TRANG
HỌC KỲ 1				
1	1	STARTER UNIT	VOCABULARY - FAMILY	6
	2		LANGUAGE FOCUS - BE/ POSSESSIVE ADJ & PRON/ ARTICLES	7
	3		VOCABULARY & LISTENING - SCHOOL	8
2	4	UNIT 1 - MY TIME	LANGUAGE FOCUS - HAVE GOT/ THERE'S/ THERE ARE	9
	5		VOCABULARY - WHERE WE SPEND TIME	10-11
	6		READING - SCREEN TIME & LANGUAGE FOCUS - PRESENT SIMPLE (+) (-)	12-13
3	7			
	8			
4	9		VOCABULARY & LISTENING - FREE TIME ACTIVITIES & LANGUAGE FOCUS - PRESENT SIMPLE (?)	14-15
	10			
	11			
5	12		SPEAKING - THINKING OF THINGS TO DO	16
	13		WRITING - A PROFILE FOR A WEB PAGE	17
	14			
	15		VOCABULARY - COMMUNICATION	20-21

6	16	UNIT 2 - COMMUNICATION	READING - EMOJIS & LANGUAGE FOCUS - PRESENT CONTINUOUS (+) (-)		22-23
	17				
	18				
7	19		VOCABULARY & LISTENING - ON THE PHONE & LANGUAGE FOCUS - PRESENT CONTINUOUS (?)/ PS & PC		24-25
	20				
	21				
8	22		SPEAKING - MAKING PLANS OVER THE PHONE		26
	23		WRITING - A REPORT ON A SURVEY		27
	24				
9	25	PROGRESS REVIEW 1	PROGRESS REVIEW 1 - 1/2/3/4/5		30-33
	26		PROGRESS REVIEW 1 - 6/7/8/9/10		
	27		PROGRESS REVIEW 1 - 11/12/13/14		
10	28	MID-TERM TEST 1	TESTS ON READING/ LISTENING/ SPEAKING/ WRITING		
	29				
	30	UNIT 3 - THE PAST	VOCABULARY - PEOPLE AND PLACES		34-35
11	31		READING - MUSEUM EXHIBITS LANGUAGE FOCUS - WAS/ WERE/ THERE WAS/ THERE WERE		36-37
	32				
	33				
12	34		VOCABULARY & LISTENING - COMMON VERBS LANGUAGE FOCUS - PAST SIMPLE (+) (-) (?)/ REGULAR & IRREGULAR VERBS		38-39
	35				
	36				
13	37		SPEAKING - YOUR WEEKEND		40
	38		WRITING - A SPECIAL EVENT		41
	39				
14	40	UNIT 4 - IN THE PICTURE	VOCABULARY - ACTIONS AND MOVEMENT		44-45
	41		READING - A MOMENT IN TIME LANGUAGE FOCUS - PAST CONTINUOUS (+) (-)		46-47
	42				
15	43		VOCABULARY & LISTENING - ADJ & ADV LANGUAGE FOCUS - PAST CONTINUOUS (?)/ PS & PC		48-49
	44				
	45				
16	46		SPEAKING - EXPRESSING INTEREST		50
	47		WRITING - THE STORY OF A RESCUE		51
	48				
17	49		PROGRESS REVIEW 2	PROGRESS REVIEW 2 - 1/2/3/4/5	
	50	PROGRESS REVIEW 2 - 6/7/8/9/10			
	51	PROGRESS REVIEW 2 - 11/12/13/14/15			
18	52	TERM TEST 1	TESTS ON READING/ LISTENING/ SPEAKING/ WRITING		
	53				
	54				
HỌC KỲ 2					
19	55		VOCABULARY - UNITS OF MEASUREMENT		58-59
	56		READING - MEALS FOR MEDALS & LANGUAGE FOCUS - MAKING COMPARISONS		60-61
	57				

20	58	UNIT 5 - ACHIEVE		
	59			
	60		VOCABULARY & LISTENING - JOBS AND SKILLS & LANGUAGE FOCUS - ABILITY: CAN & COULD/ HOW ...	62-63
21	61	UNIT 5 - ACHIEVE		
	62		SPEAKING - MAKING & RESPONDING TO SUGGESTIONS	64
	63			
22	64	UNIT 5 - ACHIEVE	WRITING - A BIOGRAPHICAL WEB PAGE	65
	65		VOCABULARY - SURVIVAL VERBS	68-69
	66		READING - JUNGLE CHALLENGE & LANGUAGE FOCUS - WILL & WON'T IN THE FIRST CONDITIONAL	
23	67	UNIT 6 - SURVIVAL	READING - JUNGLE CHALLENGE & LANGUAGE FOCUS - WILL & WON'T IN THE FIRST CONDITIONAL	70-71
	68			
	69			
24	70	UNIT 6 - SURVIVAL	VOCABULARY & LISTENING - SURVIVAL EQUIPMENT & LANGUAGE FOCUS - MUST & SHOULD	72-73
	71			
	72		SPEAKING - GIVING INSTRUCTIONS	74
25	73	UNIT 6 - SURVIVAL	WRITING - A BLOG	75
	74			
	75			
26	76	PROGRESS REVIEW 3	PROGRESS REVIEW 3 - 1/2/3/4/5	78-81
	77		PROGRESS REVIEW 3 - 6/7/8/9/10	
	78		PROGRESS REVIEW 3 - 11/12/13/14/15	
27	79	MID-TERM TEST 2	TESTS ON READING/ LISTENING/ SPEAKING/ WRITING	
	80			
	81			
28	82	UNIT 7 - MUSIC	VOCABULARY - MUSIC AND INSTRUMENTS	82-83
	83		READING - A SONG & LANGUAGE FOCUS - WILL & BE GOING TO	84-85
	84			
29	85	UNIT 7 - MUSIC	VOCABULARY & LISTENING - STAR QUALITIES: ADJ & N & LANGUAGE FOCUS - BE GOING TO (?)/ PRESENT CONTINUOUS FOR FUTURE ARRANGEMENTS	86-87
	86			
	87		SPEAKING - ORGANISING AN EVENT	88
30	88	UNIT 7 - MUSIC	WRITING - SONG REVIEWS	89
	89			
	90			
31	91	UNIT 8 - I BELIEVE I CAN FLY	VOCABULARY - FUTURE VEHICLES	92-93
	92		READING - NO LIMIT & LANGUAGE FOCUS - CONNECTING IDEAS	94-95
	93			
32	94	UNIT 8 - I BELIEVE I CAN FLY	VOCABULARY & LISTENING - BOARDING TIME & LANGUAGE FOCUS - INFINITIVES/ QUANTIFIERS	96-97
	95			
	96			
33	97	UNIT 8 - I BELIEVE I CAN FLY	SPEAKING - AT THE AIRPORT CHECK-IN	98
	98			
	99		WRITING - EMAILS	99



34	100	PROGRESS REVIEW 4	PROGRESS REVIEW 4 - 1/2/3/4/5/6	102-105
	101		PROGRESS REVIEW 4 - 7/8/9/10/11/12	
	102		PROGRESS REVIEW 4 - 13/14/15/16/17	
35	103	TERM TEST 2	TESTS ON READING/ LISTENING/ SPEAKING/ WRITING	
	104			
	105	ACADEMIC PROCEDURES		

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI

Mỗi đơn vị bài học (1 Unit) trong **Tiếng Anh 7 Friends Plus** chứa đựng nội dung phát triển đều 4 kỹ năng *nghe, nói, đọc, viết* và có thể được chia thành 9 bài học (9 lessons) bao gồm 7 bài bắt buộc và 2 bài tự chọn. Sau đây là ví dụ một đơn vị bài học cụ thể được phân bổ như sau:

UNIT 4 IN THE PICTURE

(CHỦ ĐỀ XUYÊN SUỐT: THẾ GIỚI HÌNH ẢNH)

– **Lesson 1 (Vocabulary - Bài học bắt buộc):** Cung cấp các từ vựng liên quan đến việc miêu tả một bức ảnh (các động từ chỉ chuyển động và hoạt động, các tính từ và trạng từ.).

– **Lesson 2 (Reading - Bài học bắt buộc):** Miêu tả những thời điểm chụp ảnh đẹp và có ý nghĩa (Tích hợp thêm Chủ đề Các hoạt động tái chế rác thải.).

– **Lesson 3 (Language Focus - Bài học bắt buộc):** luyện tập khắc sâu Thì quá khứ tiếp diễn và áp dụng thì này để miêu tả những gì đang diễn ra trong một bức ảnh.

– **Lesson 4 (Listening - Bài học bắt buộc):** cung cấp bộ từ vựng thứ hai là các tính từ và trạng từ miêu tả quá trình chụp một bức ảnh đẹp, các bài luyện tập kỹ năng nghe theo chủ đề.

– **Lesson 5 (Language Focus - Bài học bắt buộc):** luyện tập khắc sâu trọng tâm ngôn ngữ trong bài là cách sử dụng đan xen thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

– **Lesson 6 (Speaking - Bài học bắt buộc):** luyện tập kỹ năng nói về về một chủ đề mà mình tâm đắc.

– **Lesson 7 (Writing - Bài học bắt buộc):** viết đoạn văn ngắn (khoảng 60 từ) miêu tả một sự kiện mà mình chứng kiến, cung cấp dàn bài mẫu để một học sinh có năng lực tối thiểu cũng viết được một đoạn văn miêu tả, có yêu cầu cao hơn cho học sinh khá, giỏi. Ngoài ra, bài viết mẫu còn cung cấp chủ đề từ vựng về dịch vụ cộng đồng thông qua việc miêu tả cuộc giải cứu một chú voi con.

– **Lesson 8 (CLIL - Bài học tự chọn):** bài đọc tích hợp nội dung môn Mỹ thuật về lịch sử của ngành sản xuất phim hoạt hình. Giáo viên có thể triển khai thành tiết học trải nghiệm STEAM thông qua nội dung bài học này.

– **Lesson 9 (Puzzles and Games - Bài học tự chọn):** đây là nội dung tự chọn. Học sinh các lớp giỏi có thể thực hiện được để bài học thêm phong phú và sinh động. Học sinh các lớp có trình độ cơ bản có thể bỏ qua phần này để tăng cường luyện tập thêm một phần khác kĩ lưỡng hơn (do giáo viên đánh giá và lựa chọn).

Sau đây là phần gợi ý phương pháp tổ chức hoạt động của một đơn vị bài học cụ thể, **thông qua các Lesson 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7**. Quý thầy cô có thể căn cứ vào hướng dẫn cơ bản này để điều chỉnh phù hợp với tình hình cụ thể của lớp do mình phụ trách.

Chú ý: các gợi ý này chỉ có tính tham khảo, không thay thế kế hoạch bài dạy cụ thể của các bài học do giáo viên phụ trách trên lớp.

Tóm tắt đơn vị bài học

Từ vựng

Hành động và chuyển động: *climb up, hang from, hold, jump up, kick, lie on, sit on, stand in, pick up, walk on*

Tính từ và trạng từ: *bad, badly, brave, bravely, careful, carefully, comfortable, comfortably, creative, creatively, easy, easily, happy, happily, patient, patiently, polite, politely, quiet, quietly, rude, rudely, slow, slowly, good, well, fast*

Trọng tâm ngôn ngữ

Past continuous: affirmative and negative

Past continuous: questions

Past simple and past continuous

Nói

I can show that I'm interested in a topic.

Viết

I can write a description of an event using linking words.

Từ vựng • Hành động và chuyển động

Mục tiêu

Miêu tả một bức ảnh.

HÃY SUY NGHĨ!

Hỏi: *Do you take photos on your phone? What do you usually take photos of?*

Gợi ra các câu trả lời của học sinh. Hỏi: *Do you have a favourite photo on your phone? Why is it your favourite? What does it show?* Gợi ra các câu trả lời của học sinh. Ngoài ra, có thể cho học sinh thảo luận các câu hỏi theo đôi. Mời học sinh trình bày trước lớp về bức ảnh các em yêu thích nhất. Nếu học sinh có đem theo điện thoại, mời học sinh cho lớp xem bức ảnh đó.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Bài tập số 1 - Tập âm 1-39

Học sinh kết nối các bức ảnh với các động từ trong hộp. **Học sinh các lớp yếu nên làm việc theo đôi.** Bật tệp âm thanh cho học sinh nghe và kiểm tra. Kiểm tra đáp án với cả lớp và đảm bảo tất cả học sinh hiểu được ý nghĩa các động từ. Bật tệp âm thanh lần nữa và dừng lại các từ khó phát âm để học sinh nghe và phát âm đúng, ví dụ từ *climb*.

4

In the picture

VOCABULARY • Actions and movement
I can describe a photograph.

CLIL p52

Extra listening and speaking p109

THINK! Do you have a favourite photo on your phone? Why is it your favourite?

1 1-39 Match pictures 1–10 with the verbs in the box. Then listen and check.

climb up hang from hold jump up

kick lie on sit on stand in pick up walk on












2 Read the descriptions of four photos in the observation test and match descriptions 1–4 with four photos from A–F. Then choose the correct verbs in blue.

OBSERVATION TEST

1 This is brilliant. The boy is on the beach and he's picking up / sitting on his head, which is hanging from / lying on the sand.

2 They're in the desert, or somewhere very hot. The woman is wearing a hat and there's a tiny man on it. He's standing in / walking on the hat.

3 The man is climbing up / kicking the dinosaur. He's very brave because he's really small and the dinosaur is enormous and very angry!

4 The man is in a park and he's climbing up / holding a really small woman in his hand. She's wearing a white dress. Are they getting married?




ĐÁP ÁN

1 climb up 2 jump up 3 lie on
4 kick 5 pick up 6 stand in 7 sit on
8 walk on 9 hold 10 hang from

Bài tập số 2

Tập trung vào các bức ảnh để dạy từ *desert*. Học sinh đọc các miêu tả (1–4) và kết nối với các bức ảnh (A–F). Kiểm tra các câu trả lời, rồi yêu cầu học sinh đọc lại các miêu tả và chọn đúng từ để hoàn thành bài tập. Kiểm tra đáp án với cả lớp và hỏi: *Which photo do you like best? Why?*

ĐÁP ÁN

1 D 2 B 3 C 4 A
1 picking up, lying on
2 walking on
3 kicking
4 holding

Hoạt động tùy chọn: Từ vựng

Chia học sinh thành các đôi bạn và yêu cầu thực hiện miêu tả trong Observation test. Yêu cầu các em chọn 1 trong các bức ảnh và sử dụng động từ ở Bài tập 1 để miêu tả. Nhắc học sinh sử dụng thì Hiện tại tiếp diễn để miêu tả những hành động đang xảy ra. Học sinh có thể kiểm tra câu trả lời bằng cách nhìn lại những lời miêu tả.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Hoạt động tùy chọn: Từ vựng

Hướng dẫn học sinh một trò chơi nhỏ: Hãy ngồi ở rìa bàn và hỏi: *What am I doing?* Gợi ra các câu trả lời của học sinh (*You're sitting on the desk*).

Yêu cầu học sinh thay phiên chọn 1 trong các động từ và diễn kịch cảm. Các bạn khác đoán ra động từ và trả lời.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

3 Watch or listen. Which photos are the speakers describing?

4 Watch or listen again. Which of the key phrases do you hear? Who says them?

KEY PHRASES

Describing a photo
In the middle
In front of
Behind
On the left / On the right
At the top / At the bottom
In the foreground / In the background

Remember!
Affirmative Imperatives
Stand there.
Sit here.
Move behind it.

5 USE IT! Work in a group. Use the Key Phrases to create your own photograph.

Maria, stand here in the foreground. Hold this cup.
David and Juan, sit on the chairs at the back, so it looks like you're standing in the cup.

Finished?
Think of your favourite photo on your phone. Describe it to your group.

Hoạt động tùy chọn: Cụm từ chính

Chia học sinh thành các đôi bạn và yêu cầu các em chuẩn bị miêu tả một trong các bức ảnh còn lại bằng cách sử dụng một trong các cụm từ chính. Mỗi một số đôi đọc phần miêu tả trước lớp. Những bạn khác xác định bức ảnh và ghi lại các cụm từ chính mà mình nghe được.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Bài tập số 5 USE IT!

Đọc to yêu cầu của hoạt động, sau đó đọc qua các thông tin trong hộp Remember!. Đối với các lớp giỏi, gọi ra hoặc dạy học sinh một số câu mệnh lệnh hữu ích: Hold your arms out. Bend over. Lean forwards / back. Smile! Look worried.

Chia học sinh thành các nhóm nhỏ. Cho học sinh một số thời gian để chuẩn bị bức ảnh, sau đó cho học sinh chọn vị trí chụp ảnh. Giám sát học sinh để các em chỉ sử dụng câu mệnh lệnh bằng tiếng Anh. Nếu học sinh sử dụng điện thoại, cho phép các em chụp ảnh rồi trình bày trước lớp.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Hoàn thành?

Gọi những học sinh làm nhanh nhất tham gia phần Finished?. Học sinh có thể làm việc nhóm để miêu tả các bức ảnh mình yêu thích nhất. Các em có thể trình bày theo nhóm và kiểm tra xem phần miêu tả có đúng hay không.

Thực hành thêm

Sách bài tập trang 26

Đánh giá

Bài kiểm tra 5p - Nguồn tài nguyên giáo viên

Bài tập số 3- Tập âm 1-40 (trang 134)

Đọc lớn câu hỏi, rồi bật tệp ghi âm hoặc ghi hình. Học sinh xem hoặc nghe rồi xác định bức ảnh mà người nói đang đề cập. Kiểm tra đáp án với cả lớp. (Nếu thấy, có chỉ sử dụng tệp âm thanh, hãy tham khảo lời đọc ở trang 134 để biết tên người nói.)

ĐÁP ÁN

1 F 2 E 3 F 4 E

Bài tập số 4 - Tập âm 1-40 (trang 134)

Đọc qua các cụm từ chính cho lớp nghe và gợi ý đoán nghĩa hoặc dạy ý nghĩa các cụm từ đó. Bật lại tệp ghi âm/ ghi hình cho học sinh xem/ nghe và ghi chú các cụm từ mà học sinh nghe được. Kiểm tra đáp án với cả lớp.

ĐÁP ÁN

In the middle (Lilly)
In front of (Elijah)
Behind (Rebecca)
On the left / right (Lilly)
In the foreground / In the background (Rebecca)

Hoạt động tùy chọn: Cụm từ chính

Viết những câu có chứa ô trống sau đây lên bảng:

- 1 I ____ see people in an open space.
- 2 It looks ____ there are two people hanging from his arms.
- 3 ____ a woman holding a really small man.
- 4 He ____ small because he's behind her.

Chia học sinh thành các đôi bạn và yêu cầu học sinh hoàn thành các câu trên theo trí nhớ. Bật tệp ghi hình/ ghi âm cho học sinh kiểm tra lại và nêu bật đây là các cụm từ chính để miêu tả các bức ảnh.

ĐÁP ÁN

1 can 2 like 3 There's 4 looks

Đọc • Khoảnh khắc

Mục tiêu

Đoàn nội dung một bài báo dựa vào tựa bài và hình ảnh.

HÃY SUY NGHĨ!

Đọc câu hỏi cho cả lớp nghe và đưa ra một số gợi ý. Đặt thêm một số câu hỏi để khuyến khích học sinh nói nhiều hơn, ví dụ: *Should you throw some rubbish (paper, bottles, cans...) away? Why or why not?*

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Bài tập số 1

Đọc chiến lược học tập cho cả lớp nghe. Chỉ ra cho học sinh thấy là các em sẽ hiểu văn bản rất dễ nếu giành thời gian nhìn vào các bức ảnh và tựa bài và cố gắng phán đoán ý nghĩa của văn bản trước khi đọc.

Bài tập số 2

Yêu cầu học sinh nhìn vào các bức ảnh. Gọi ý những người trong ảnh đang làm gì và yêu cầu học sinh đoán những người đó từ đất nước nào tới. Học sinh đọc nhanh bài báo để kiểm tra suy nghĩ của mình.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Kiến thức nền

Chiang Mai (nghĩa là "New City" trong tiếng Thái), là thành phố lớn nhất phía bắc Thái Lan và là thủ phủ tỉnh Chiang Mai. Nó nằm ở một vùng núi cách Bangkok về phía bắc 700 km. Khí hậu ở đây ấm và nóng quanh năm, mặc dù vào mùa khô ban đêm có thể mát hơn ban ngày một chút.

Bài tập số 3 - Tập âm 1-41

Cho học sinh thời gian đọc qua các câu rồi mở tệp ghi âm. Học sinh đọc và nghe rồi quyết định xem các câu đó đúng hay sai. Có thể yêu cầu các học sinh các lớp giỏi hơn sửa các câu sai. Kiểm tra các câu trả lời với lớp.

ĐÁP ÁN

- 1 False (She was making a toy with ice-cream sticks.)
- 2 True
- 3 False (The café was full.)
- 4 False (They were making decorations from old tyres and bottles. They were talking but they were working very hard too.)
- 5 True

Bài tập số 4 VOCABULARY PLUS

Học sinh dùng từ điển kiểm tra nghĩa của các từ in màu xanh. Có thể khuyến khích học sinh các lớp giỏi đoán ý nghĩa từ các tình huống rồi mới tra từ điển. Kiểm tra xem học sinh có hiểu hết ý nghĩa các từ đó hay chưa.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Sách bài tập trang 36 bài tập số 5

4

READING • A moment in time

I can predict what an article is about using the title and photos.

THINK! What should you do with rubbish?

WHAT SHOULD YOU DO WITH RUBBISH?



I happened to see this 6-year-old girl in Chiang Mai, Thailand. She wasn't playing with the toy. She was making it with ice-cream sticks. The toy was still simple, but it was a success for such a little girl. She still wanted to make more and more toys. While I was taking some photos of the toys, she was smiling nicely. What a clever girl!

(Chiang Mai, Thailand)



I went to a café in Thán Văn Nhiếp Street, District 2 on a beautiful Sunday morning. The café was full when I got there. Some people were making decorations from old tyres and bottles. They were talking but they were working very hard too. Although their business was different, it was meaningful to the environment. Their start-up seemed to be a success story.

(Hồ Chí Minh City, Việt Nam)

4 VOCABULARY PLUS Use a dictionary to check the meaning of the words in blue in the text.

Language point: *Although*

5 Find the word *although* in the second text. What is it used for?

Their business was different, but it was meaningful to the environment.

→ Although their business was different, it was meaningful to the environment.

6 Combine the two sentences using *although* and *but*.

1 She is a little girl. She is helpful.

2 Many collectors want to own her toys. She does not want to sell them.

7 USE IT! Work in pairs. Do you think that recycling can change the world? Can you think of an idea to make toys from rubbish?

3 1.41 Read and listen to the text. Write True or False. Explain your answers.

- 1 The 6-year-old girl in Chiang Mai, Thailand made some toys with ice-cream sticks.
- 2 According to the photographer, the toy was good.

3 The café was empty.

4 Some people were relaxing with decorations.

5 The writer liked the café with recycled decorations.

46 In the picture

Hoạt động tự chọn: Đọc

Viết các câu hỏi sau đây lên bảng:

- 1 What did the girl want to do with ice-cream sticks?
- 2 What was she doing while the writer was taking some photos of the toys?
- 3 Where was the café and when did the writer go there?
- 4 What did the writer say about the people at the café?

Học sinh hoạt động theo đôi bạn để đọc câu hỏi và trả lời. Kiểm tra câu trả lời với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- 1 She wanted to make more and more toys.
- 2 She was smiling nicely while he was taking some photos of the toys.
- 3 He went to a café in Thán Văn Nhiếp Street, District 2 on a beautiful Sunday morning.
- 4 Although their business was different, it was meaningful to the environment.

Bài tập số 5

Cho học sinh tập trung vào ví dụ và tự tìm ra cách dùng của *although*. Kiểm tra câu trả lời với cả lớp.

ĐÁP ÁN

You use *although* to introduce a subordinate clause containing a statement which contrasts with the statement in the main clause.

Bài tập số 6

Cho học sinh thời gian để kết nối các mệnh đề bằng *although* và *but*. Nhắc học sinh chú ý dấu câu. Kiểm tra câu trả lời với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- 1 She is a little girl, but she is helpful. Although she is a little girl, she is helpful.
- 2 Many collectors want to own her toys, but she does not want to sell them. Although many collectors want to own her toys, she does not want to sell them.

4

LANGUAGE FOCUS • Past continuous: affirmative and negative

I can describe what was happening when a photograph was taken.

- 1 Complete the sentences with the words in the box. Then check your answers in the text on page 46.

was wasn't were weren't

- The little girl smiling nicely.
- She playing with the toy.
- She making toys with ice-cream sticks.
- Some people singing.
- They making decorations from tyres and bottles.

- 2 Look at the sentences in exercise 1. Then choose the correct words in the Rules.

RULES

- We use the past continuous to talk about a **finished action** / **an action in progress** in the past.
- We form the past continuous with **did** / **was (were)** and the **-ing** / **base** form of the verb.
- We form the negative of the past continuous with **wasn't (weren't)** / **didn't** and the **base** / **-ing** form of the verb.

- 3 Complete the text using the past continuous form of the verbs in brackets.

Photographer David Slater¹ (visit) Sulawesi, an island in Indonesia. He² (photograph) the monkeys there and they³ (jump) all over his camera and camera bag. One of the bravest monkeys⁴ (play) with the camera, and it took a photo. The monkey took over 100 photos that day, but the one that became a classic was this photo: the monkey⁵ (smile) when he took the selfie.



Finished?

Finish the monkey's story: 'I was sitting in a tree in Indonesia one day ...'

In the picture 47

- 4 Write true sentences about today. Use the affirmative or negative form of the past continuous.

- I / sleep / at 8.30 a.m.
I **wasn't sleeping** at 8.30 a.m.
- my dad / work / 9 a.m.
my dad **was** working at 9 a.m.
- my friends / walk / to school at 8 a.m.
my friends **were** walking to school at 8 a.m.
- it / rain / early this morning
it **was** raining early this morning.
- I / ride / my bike / at 8.15 a.m.
I **wasn't riding** my bike at 8.15 a.m.
- My family / sleep / at 5 a.m.
My family **wasn't sleeping** at 5 a.m.

- 5 USE IT! Work in pairs. Look at the photo and imagine you saw the event. Describe what was happening. Use the questions to help you.



- Where did the event happen?
- What were you doing when you saw this?
- What were the children doing?
- What was the girl in blue T-shirt doing?

Chú ý ngôn ngữ

Trong thì quá khứ tiếp diễn, chúng ta sử dụng *was / wasn't* cho ngôi *I / he / she / it*, và dùng *were / weren't* cho ngôi *we / you / they*: *They were working.* (KHÔNG DÙNG *They was working.*)

Bài tập số 3

Tập trung vào bức ảnh con khỉ trên chiếc điện thoại và hỏi: *Who do you think took this photo?* Gọi ý rồi yêu cầu học sinh đọc nhanh văn bản, bỏ qua các ô trống, để tìm ra câu trả lời là con khỉ tự chụp ảnh. Học sinh hoàn tất văn bản với các động từ trong ngoặc đơn. Kiểm tra câu trả lời với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- was visiting
- was photographing
- were jumping
- was playing
- was smiling

Bài tập số 4

Đọc to các câu ví dụ và gọi ý thêm một ví dụ. Học sinh sau đó viết ra các câu còn lại. Cho học sinh thời gian so sánh câu trả lời theo đôi bạn, sau đó kiểm tra đáp án với cả lớp. Với các lớp giỏi hơn hoặc những bạn làm nhanh hơn, học sinh có thể viết thêm một câu về việc họ đang làm / không đang làm trước đó.

ĐÁP ÁN

- My dad **was / wasn't** working at 9 a.m.
- My friends **were / weren't** walking to school at 8 a.m.
- It **was / wasn't** raining early this morning.
- I **was / wasn't** riding my bike at 8.15 a.m.
- My family **was / wasn't** sleeping at 5 a.m.

Bài tập số 5 USE IT!

Tập trung vào bức ảnh và hỏi xem học sinh có biết các từ *collect* và *rubbish bag* hay chưa. Cho học sinh thời gian để chuẩn bị các câu trả lời theo cá nhân, sau đó chia học sinh thành các đôi bạn để thảo luận việc gì đang xảy ra trong bức ảnh. Yêu cầu một số học sinh nêu ý tưởng của mình trước lớp.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

HOÀN THÀNH?

Mời các học sinh làm bài nhanh tham gia hoạt động *Finished?*. Mời học sinh có thể chuẩn bị câu chuyện của mình rồi làm việc theo đôi.

Một cách khác là yêu cầu học sinh đọc câu chuyện của mình trước lớp. Sau đó hỏi các bạn khác xem thích nghe câu chuyện nào và tại sao.

Thực hành thêm

Sách bài tập trang 27

Đánh giá

Bài kiểm tra 5 phút, Địa Teacher's Resource

Bài tập số 7 USE IT!

Cho học sinh thời gian chuẩn bị các câu trả lời theo câu hỏi cho từng cá nhân. Sau đó học sinh thảo luận các câu hỏi theo đôi bạn. Mời học sinh chia sẻ ý tưởng trước lớp.

Thực hành thêm

Sách bài tập trang 36
Bộ thực hành Reading 4

Trọng tâm ngôn ngữ

• Thì quá khứ tiếp diễn: thể khẳng định và thể phủ định

Mục tiêu

Miêu tả điều gì đang xảy ra khi bức ảnh được chụp.

Khởi động

Hỏi xem học sinh có nhớ điều gì về những con người ở trang 46 hay không. Gọi ý rồi tiếp tục hỏi: *Was the girl playing with a*

toy? Gọi ý câu trả lời rồi viết lên bảng: *She wasn't playing with the toy. She was making it with ice-cream sticks.* Gạch chân các động từ và gọi ý hoặc giải thích rằng đây là các động từ ở thì quá khứ tiếp diễn.

Bài tập số 1

Học sinh chọn từ đúng để hoàn thành các câu, sau đó dò lại với đoạn văn ở trang 46. Kiểm tra câu trả lời với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- was
- wasn't
- was
- weren't
- were

Bài tập số 2

Học sinh làm việc theo đôi để hoàn thành các câu và rút ra qui tắc. Với các lớp yếu, hãy đọc qua qui tắc cho lớp nghe và gọi ý câu trả lời.

ĐÁP ÁN

- an action in progress
- was (were)
- wasn't (weren't)

Từ vựng và nghe • Tính từ và trạng từ

Mục tiêu

Lắng nghe ai đó miêu tả các bức ảnh và hiểu được nội dung chính.

Hãy suy nghĩ!

Hỏi học sinh xem các em thích loại ảnh nào: con người, cảnh vật hay thể thao. Gọi ý câu trả lời và khuyến khích học sinh nêu được lý do.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Bài tập số 1 - Tập âm 1-42

Học sinh đọc các văn bản và chọn từ đúng. Mở tệp ghi âm cho học sinh nghe và kiểm tra đáp án. Đồ đáp án với cả lớp và kiểm tra xem học sinh có hiểu hết các từ hay chưa.

ĐÁP ÁN

- 1 easy 2 fast 3 patient
4 comfortable 5 quietly 6 rude
7 happily 8 politely 9 slowly
10 carefully 11 creative 12 bad
13 good 14 creatively

Bài tập số 2

Học sinh hoàn thành bảng bằng các tính từ và trạng từ đã cho. Kiểm tra đáp án với cả lớp. Gọi ý trạng từ nào là có qui tắc và bất qui tắc, và gọi ý luật chính tả cho các trạng từ có qui tắc.

ĐÁP ÁN

Adjectives: easy, brave, slow, fast, happy, patient, comfortable, careful, polite, rude, creative, bad, good, quiet

Adverbs: badly, quietly, happily, rudely, politely, well, slowly, patiently, carefully, bravely, creatively, comfortably

Hoạt động tự chọn: Từ vựng

Viết các câu sau đây lên bảng:

- a You have to be patient / patiently to get good photos.
b You have to wait patient / patiently to get good photos.

Học sinh chọn từ đúng để hoàn thành câu. Kiểm tra đáp án với cả lớp và gọi ý chúng ta dùng tính từ để miêu tả danh từ, và dùng trạng từ để nói chúng ta làm việc gì như thế nào.

ĐÁP ÁN

- a patient b patiently

Bài tập số 3 - Tập âm 1-43 trang 134

Xác định với học sinh là các em không cần hiểu từng từ mà chỉ cần hiểu ý chính. Bật đoạn ghi âm. Học sinh nghe và sắp xếp các bức ảnh theo trật tự được đề cập. Kiểm tra đáp án với cả lớp.

4

VOCABULARY AND LISTENING • Adjectives and adverbs

I can listen to someone describing photos, and understand the main ideas.

THINK! What photographs do you prefer: people, places or sport? Why?

Expert tips How to take better photos



▲ It isn't *easy / brave to photograph wild animals because they are *slow / fast. You need to be very *happy / patient. Find a *comfortable / careful place and sit *badly / quietly.

Remember, it's *polite / rude to take photos of people you don't know. Most people will *happily / rudely say yes if you ask *politely / well for permission.



Holiday photos are often *bad / slow, so if you want to take a *good / quiet photo, think *creatively / comfortably and choose unusual angles.



◀ When people are doing sports, they don't move *slowly / patiently, so choose *carefully / bravely where you stand. For dangerous sports, the photographer needs to be *creative / slow and good at the sport, too.



- 1 142 Read the texts and choose the correct words. Listen and check.

- 2 Complete the table with the adjectives and adverbs in exercise 1.

Adjectives	Adverbs
bad	badly

- 3 143 Listen to a photographer explaining how he took these photos. Put photos A–D in the order you hear.

- 4 143 Listen again and answer the questions.

- What was the squirrel doing in photo A?
- In photo B, why was the photographer in Asia?
- In photo C, was the photographer skiing?
- Where was the photographer in photo C?
- In photo D, was the photographer standing in the boat?

Remember!

Adjectives	Adverbs
fast	fast
good	well

- 5 USE IT! Work in pairs. Say how you can do the activities in the box. Use adverbs from exercise 2.

learn vocabulary read sing
speak to your teacher swim

I can swim fast.

48 In the picture

ĐÁP ÁN

- 1 A 2 C 3 B 4 D

Bài tập số 4 - Tập âm 1-43 trang 134

Bật lại tệp ghi âm. Học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi. Với các lớp giỏi hơn, học sinh có thể ghi nhớ và trả lời câu hỏi trước, sau đó lắng nghe và kiểm tra lại. Kiểm tra đáp án với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- It was running up and down the tree and eating nuts.
- He was travelling.
- Yes, he was.
- He was on the person's left.
- No, he was sitting in the boat.

Hoạt động tự chọn: Nghe

Viết các câu hỏi sau lên bảng:

- How long did the photographer wait to get photo A?
- What sports does he take photos of?
- What were the people in photo C wearing?

- 4 Where were the people in photo D?

Học sinh làm việc theo đôi và trả lời các câu hỏi theo trí nhớ. Bật lại tệp ghi âm cho học sinh kiểm tra lại đáp án.

ĐÁP ÁN

- an hour
- sports that he can do
- they were wearing traditional clothes
- they were at one end of a boat

Bài tập số 5 USE IT!

Tập trung vào hộp Remember! và nhắc học sinh có 2 trạng từ bất qui tắc. Học sinh làm việc theo đôi để nói cách thức các em làm các hoạt động. Học sinh các lớp giỏi hơn có thể tự nghĩ ra ý riêng và tạo thêm nhiều câu hơn.

Thực hành thêm

Sách bài tập trang 28

Đánh giá

Bài kiểm tra 5 phút - đĩa Teacher's Resource

Nói • Thể hiện sở thích

Mục đích

Thể hiện rằng bạn đang thích một chủ đề.

HÃY Suy nghĩ!

Đọc câu cho cả lớp nghe rồi nhận các câu trả lời từ học sinh. Đặt thêm câu hỏi, ví dụ: *When did you take it? Where was it? Do you think it's a good photo? Why?* Khuyến khích học sinh nêu các ý kiến và trải nghiệm của riêng mình.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Bài tập số 1 - Tập âm 1-45

Học sinh đọc đoạn hội thoại có chứa ô trống và hoàn tất bằng các cụm từ đúng. Với lớp yếu hơn, học sinh có thể làm việc theo đôi. Bật đoạn ghi hình hay ghi âm để học sinh xem hoặc nghe rồi kiểm tra đáp án. Kiểm tra đáp án với cả lớp rồi đặt các câu hỏi về Julie cho học sinh đưa ra câu trả lời.

ĐÁP ÁN

- 1 do you think
- 2 were you
- 3 was sitting
- 4 fell off
- 5 was cycling

A man fell off his bike. Julie was watching a cycling race when she took the photo.

Bài tập số 2 - Tập âm 1-45

Chia học sinh thành các đôi để thực hiện đoạn hội thoại ở bài tập 1. Học sinh đọc các cụm từ chính và cố gắng nhớ ai nói. Bật tệp ghi âm/ ghi hình để học sinh xem/ nghe và kiểm tra đáp án.

Dò đáp án với cả lớp và đảm bảo học sinh hiểu hết các cụm từ chính. Thấy, có thể yêu cầu học sinh dịch các cụm từ ra tiếng Việt để kiểm tra xem các em có hiểu bài không.

ĐÁP ÁN

Amelia: That one's brilliant. It's an amazing photo. Really? I'm impressed!
Julie: You're kidding! That's really kind of you.

Hoạt động tự chọn: Cụm từ chính

Trước khi học sinh thực hành đoạn hội thoại, bật tệp ghi âm/ ghi hình một lần nữa, tạm dừng ở sau các cụm từ chính. Yêu cầu học sinh lặp lại đúng phát âm và ngữ điệu các cụm từ đó.

Bài tập số 3

Học sinh làm việc theo đôi để thực hành đoạn hội thoại.

4 SPEAKING • Expressing interest

I can show that I'm interested in a topic.

THINK! Describe the last photo you took on your phone.

Amelia Hey, these are good photos, Julie. Did you take them?
Julie Yes. My new phone takes really good photos. What ¹ _____ of this one?
Amelia I like it. That one's brilliant.
Julie Yeah, I'm pleased with it. I was very lucky.
Amelia But the poor guy wasn't lucky! Where ² _____ when you took it?
Julie I ³ _____ on a wall by the road. He ⁴ _____ while he ⁵ _____ past me.
Amelia Well, it's an amazing photo. Was it near here?
Julie No, it was a cycling race near Bristol. I went with my brother.
Amelia Really? Did he take part in the race?
Julie You're kidding! He doesn't even ride a bike.
Amelia Well, it's an amazing photo. I'm impressed!
Julie That's really kind of you. Thanks.



4 Imagine that you took this photo. Think about your answers to these questions.

- 1 Where were you?
- 2 Why were you there?
- 3 What were the people doing?

1 **1.45** Complete the dialogue with the phrases in the box. Then watch or listen and check. What happened in Julie's photo? Where was Julie when she took the photo?

do you think fell off was cycling
was sitting were you

2 **1.45** Look at the Key Phrases. Cover the dialogue and try to remember who says the phrases, Amelia or Julie. Watch or listen again and check.

KEY PHRASES

Expressing interest

That one's brilliant. You're kidding!
It's an amazing photo. I'm impressed.
Really? That's really kind of you.

3 Work in pairs. Practise the dialogue.



5 **USE IT!** Work in pairs. Prepare a new dialogue. Use the key phrases and your ideas from exercise 4. Then practise your dialogue.

Did you take this photo?

Yes. What do you think of it?

50 In the picture

Bài tập số 4

Tập trung vào các bức ảnh và đặt câu hỏi gợi ý về nội dung: *What can you see? What are the people doing? Where do you think they are? Why do you think they are doing this?*

Mỗi học sinh tự tìm câu trả lời cho các câu hỏi. Gợi ý một vài đáp án từ học sinh.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Bài tập số 5 USE IT!

Học sinh làm việc theo đôi chuẩn bị một đoạn hội thoại mới. Học sinh đổi vai và thực hành. Mỗi một số học sinh trình bày đoạn hội thoại trước lớp.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Hoạt động tự chọn: Nói

Yêu cầu học sinh tìm một bức ảnh thú vị và trưng bày cho cả lớp xem.

Chia lớp thành các đôi bạn để học sinh cho nhau xem ảnh và thảo luận, sử dụng các cụm từ chính. Đối với các lớp yếu hơn, học sinh có thể viết ra đoạn hội thoại trước rồi thực hành nói. Đối với các lớp giỏi hơn, học sinh có thể phát triển thêm đoạn hội thoại theo ý mình dựa trên nội dung của các bức ảnh. Mời học sinh nói về bức ảnh của bạn mình trước lớp.

Thực hành thêm

Sách học sinh trang 57 (bài tập 14)

4 WRITING • The story of a rescue

I can write a description of an event using linking words.

THINK! When do animals need humans to help them?



An exciting rescue

I took this photo while we were on a safari holiday in Kenya last February. It was an amazing rescue and I was lucky to see it.

It happened while we were taking photos of wild animals. We were driving slowly when we saw a bulldozer. There was a group of people and they were looking at something. There was an elephant. It was in a mud hole and it couldn't get out. The elephant wasn't moving, but it was alive. A bulldozer was breaking the sides of the hole. As soon as it was possible, the elephant climbed out. After a few minutes, it walked away. The elephant was very lucky to be alive after twelve hours in the hole. The rescuers were very pleased and one of them posted a video of the rescue online.

- 1 Read the story. Where was the rescue? What was the writer doing?
- 2 Complete the key phrases from the text in your notebook. Then read the text and check your answers.

KEY PHRASES

Describing events in a photo

I took this photo while ¹....
It was an amazing ²....
I was lucky to ³....
It happened while ⁴....
There was a group of people and ⁵....



Language point: Linking words

3 Read the text again and find the linking words: *after, as soon as, when, while*.

4 Choose the correct linking words.

- 1 I saw a bear *when* / *while* I was walking in the forest.
- 2 *As soon as* / *While* I saw it, I climbed a tree.
- 3 It ran away *while* / *when* my friends arrived.
- 4 *After a few minutes* / *As soon as*, I climbed down.

5 **USE IT!** Follow the steps in the Writing Guide.

WRITING GUIDE

A TASK

Imagine that you took the photo of a fire rescue. Write a story (60 – 80 words) with the title *An amazing rescue*.

B THINK AND PLAN

- 1 When and where did the rescue happen?
- 2 What happened to the people in the photo?
- 3 Why was the rescue difficult?
- 4 How did the rescue end?

C WRITE

Paragraph 1: Introduction

I took this photo ...

Paragraph 2: The people and the rescue

There was / There were ...

Paragraph 3: The end and your opinion

The rescuers ...

D CHECK

- *when, while, as soon as, after*
- *There was / There were*
- Past simple and past continuous verbs

In the picture 51

xảy ra. Đọc to câu đầu tiên của câu chuyện và gọi ý rằng từ *while* là một từ liên kết. Chỉ ra một số từ liên kết có thể là những thành ngữ được tạo ra bằng cách dùng nhiều hơn một từ. Học sinh làm việc theo đôi để tìm ra các từ liên kết trong văn bản. Kiểm tra đáp án với cả lớp và đảm bảo rằng học sinh hiểu hết ý nghĩa các từ liên kết.

ĐÁP ÁN

while (lines 1 and 4), *when* (line 5), *as soon as* (line 10), *after a few minutes* (line 11)

Bài tập số 4

Học sinh chọn từ liên kết đúng. Học sinh các lớp yếu hơn có thể làm việc theo đôi. Kiểm tra đáp án với cả lớp.

ĐÁP ÁN

- 1 *while*
- 2 *As soon as*
- 3 *when*
- 4 *After a few minutes*

Hoạt động tự chọn: Viết

Viết lên bảng:

- 1 As soon as I saw the lion, ...
- 2 I fell off my bike while ...
- 3 I was travelling around Australia when ...
- 4 I pulled the dog out of the water. After a few minutes, ...

Chia học sinh theo cặp và yêu cầu các em hoàn tất các câu bằng ý riêng của mình. Mời một số đôi đọc câu của mình trước lớp.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh

Viết • Một cuộc giải cứu

Mục tiêu

Sử dụng các từ liên kết để viết một đoạn văn miêu tả một sự kiện.

HÃY SUY NGHĨ!

Tập trung vào bức ảnh và gọi ý trong bức ảnh đang xảy ra việc gì. Hỏi học sinh: *When do animals need humans to help them?* Mời một số học sinh trả lời. Khuyến khích học sinh suy nghĩ nhiều hơn bằng cách hỏi: *What about when there is a natural disaster? What about young animals whose mothers have died?*

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Bài tập số 1

Học sinh đọc câu chuyện và trả lời các câu hỏi, sau đó so sánh câu trả lời với bạn. Kiểm tra đáp án cả lớp.

ĐÁP ÁN

The rescue was in Kenya. The writer was taking photos of wild animals.

Bài tập số 2

Học sinh lấy từ trong đoạn văn để điền vào các cụm từ chính. Sau đó, học sinh đọc lại đoạn văn và kiểm tra câu trả lời. Kiểm tra xem học sinh có hiểu hết ý nghĩa các cụm từ chính hay không.

ĐÁP ÁN

- 1 *we were on a safari holiday in Kenya last February*
- 2 *rescue*
- 3 *see it*
- 4 *we were taking photos of wild animals*
- 5 *they were looking at something*

ĐIỂM NGÓN NGỮ: TỪ LIÊN KẾT

Bài tập số 3

Gợi ý hoặc giải thích rằng các từ liên kết dùng để nối các ý với nhau và cho chúng ta biết khi nào các hành động khác nhau

Bài tập số 5 USE IT!

Đọc yêu cầu với cả lớp. Học sinh trả lời các câu hỏi và chuẩn bị đoạn văn.

Đọc qua cấu trúc đoạn văn cho cả lớp nghe. Học sinh viết câu chuyện. Giáo viên có thể giao về nhà cho học sinh làm. Nhắc học sinh kiểm tra chính tả và ngữ pháp cẩn thận.

ĐÁP ÁN

Tùy câu trả lời của học sinh.

Thực hành thêm

Sách bài tập trang 31

Các hoạt động kết thúc bài học

Cumulative Review, Sách bài tập trang 57

* Vocabulary and grammar photocopyables, đĩa

Teacher's Resource Disk

** Vocabulary and grammar photocopyables,

đĩa Teacher's Resource

*** Vocabulary and grammar photocopyables,

đĩa Teacher's Resource

Speaking photocopyable, đĩa Teacher's

Resource

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN *TIẾNG ANH 7 FRIENDS PLUS*

1.1. Cấu trúc của Sách giáo viên

Sách gồm 4 phần:

- Giới thiệu phương pháp giảng dạy trong *Tiếng Anh 7 Friends Plus*.
- Gợi ý tổ chức hoạt động và đáp án cho các tài liệu trong Sách học sinh.
- Nội dung của phần nghe (Script) trong Sách học sinh và Sách bài tập.
- Đáp án của Sách bài tập.

1.2. Sử dụng Sách giáo viên hiệu quả

– Giáo viên xác định trình độ chung của lớp mình giảng dạy trước khi soạn kế hoạch bài dạy (Lesson Plan).

– Giáo viên tham khảo các gợi ý tổ chức hoạt động giảng dạy, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với môi trường và trình độ tiếp thu của học sinh rồi bắt đầu soạn kế hoạch bài dạy.

– Khi soạn kế hoạch bài dạy, giáo viên nên dự trù khoảng thời gian có thể phát sinh trong quá trình dạy học để tránh kết thúc bài học quá sớm hoặc không thể kết thúc bài học trong 45 phút quy định.

– Đối với các bài học có thể phải bổ sung thời gian (*không dạy phần Puzzles and Games mà sử dụng thời gian để bổ sung cho một bài học khác*), giáo viên cần cân nhắc các hoạt động phải bổ sung và ước lượng thời gian hợp lý.

– Giáo viên nên đọc kỹ các đáp án, nghe thử các tệp mp3 trước khi lên lớp để tránh các lỗi sai trong quá trình giảng dạy.

2. GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHUONGNAM.EDU.VN

Khi vào trong trang chủ này, quý thầy cô sẽ có 3 lựa chọn: TÀI NGUYÊN SỐ - SÁCH SỐ - CỬA HÀNG TRỰC TUYẾN.

Để sử dụng phiên bản điện tử của Sách học sinh và Sách bài tập, quý thầy cô chọn SÁCH SỐ. Đây là các ứng dụng trên nền web (web-based applications), có cả 2 phiên bản trực tuyến (online) và ngoại tuyến (offline). Các hoạt động trên Sách học sinh cũng như Sách bài tập được số hóa, có tính năng chấm điểm AI (artificial intelligence) hoàn toàn tự động và có thể sử dụng cùng máy chiếu hay bảng tương tác. Ngoài ra, chức năng quản lý học sinh đang được phát triển để giáo viên và cha mẹ học sinh cùng nhau theo dõi được quá trình học tập của học sinh. Mục chuyên môn nghiệp vụ cũng hỗ trợ thầy cô thông qua các bài tập huấn đã được ghi hình của Oxford University Press.

Để tải về các tài nguyên như kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bài dạy, bài giảng điện tử, tệp nghe định dạng mp3, bài kiểm tra tham khảo và phiên bản pdf của Sách giáo viên, quý thầy cô chọn TÀI NGUYÊN SỐ. Các tài nguyên hoàn toàn tương thích với các bộ công cụ văn phòng trên máy tính và được cập nhật hằng năm nên rất phong phú và đa dạng. Thầy cô được sử dụng hoàn toàn miễn phí.



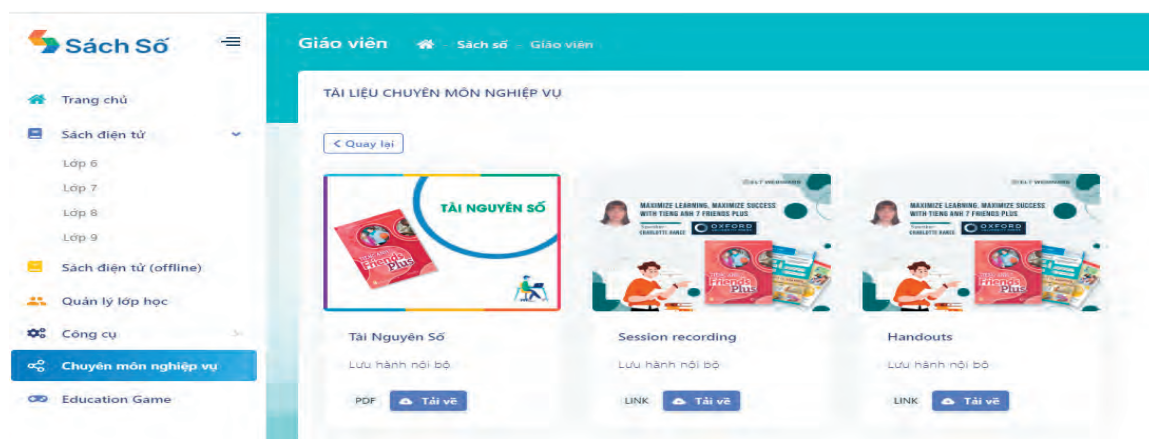
SÁCH SỐ

Nền tảng học tập trực tuyến kết nối nhà trường, phụ huynh và học sinh. Giúp tăng cường trải nghiệm học tập trên nền tảng số đồng thời nâng cao chất lượng học tập mang lại kết quả vượt trội.



TÀI NGUYÊN SỐ

Hàng trăm tài liệu số nổi bật với các thể loại như phân phối chương trình, bài giảng điện tử, tài liệu tập huấn... mang đến cho giáo viên nguồn tài nguyên giáo dục đa dạng, phong phú.


☐ Tiếng Anh - Friends Plus (3)

☐ TLTH - Friends Plus (1)

Môn học

☐ Tiếng Anh (3)

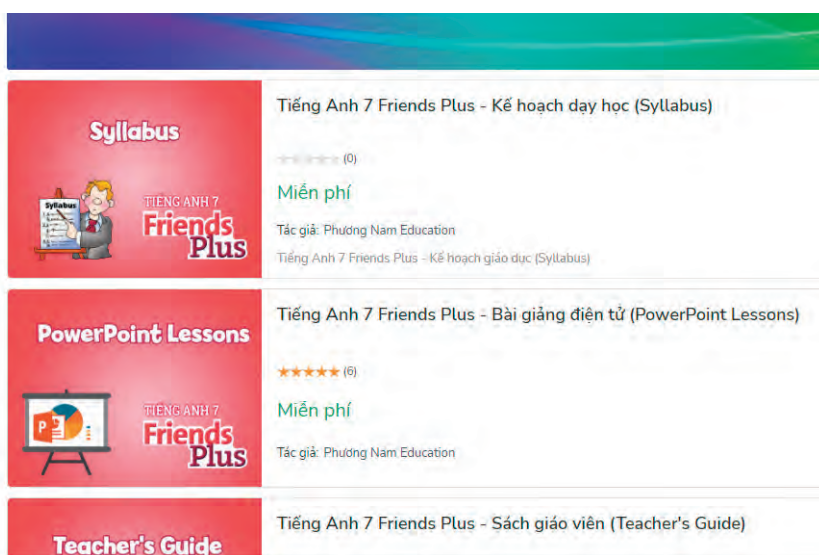
Loại tài nguyên

☐ Sách giáo viên (1)

☐ Phân phối chương trình (1)

☐ Audio (1)

☐ Tài liệu tham khảo (1)

[Hiện thị thêm 2 mục](#)




TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU



Sách không bán